Tên: ……..

Lớp: S9…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Week: 8

Từ vựng và Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

VOCABULARY REVISION

A. THEORY

I. VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét QR code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/VmO4WlRkK7emi3bM9z

1. Mobile Phones and Daily Habits

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**be conscious of** (phr)	ý thức, nhận thức về điều gì	5	**for instance** (phr)	ví dụ như
2	**on occasion** (phr)	thỉnh thoảng, đôi khi	6	**tend to V** (phr)	có xu hướng làm gì
3	**consist of** (phr)	bao gồm	7	**sensible** (adj)	hợp lý, khôn ngoan
4	**be associated with** (phr)	gắn liền với, liên quan tới	8	**disturb** (v)	làm phiền

2. Wild animals and Nature

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**pesticide** (n)	thuốc trừ sâu	6	**objective** (n)	mục tiêu
2	**poacher** (n)	kẻ săn bắt trộm	7	**genetic diversity** (phr)	sự đa dạng di truyền
3	**pollinator** (n)	sinh vật thụ phấn	8	**in captivity** (phr)	bị giam cầm, bị nuôi nhốt
4	**vulnerable** (adj)	dễ bị tổn thương, dễ bị tấn công	9	**interdependent** (adj)	phụ thuộc lẫn nhau
5	**herbivore** (n)	động vật ăn cỏ			

LIVEWORKSHEETS

3. Tourist Activities & Places

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**theme park** (n)	công viên giải trí theo chủ đề	8	**head to / head for** (phr)	đi về phía, hướng về
2	**sightseeing tour** (phr)	chuyến tham quan ngắm cảnh	9	**precious** (adj)	quý giá, quý báu
3	**guided tour** (phr)	chuyến du lịch có hướng dẫn viên	10	**local culture** (phr)	văn hoá địa phương
4	**tourist attraction** (phr)	điểm thu hút khách du lịch	11	**cultural heritage** (phr)	di sản văn hoá
5	**landmark** (n)	địa danh nổi tiếng, biểu tượng của một vùng	12	**tourist destination** (phr)	điểm đến du lịch
6	**arena** (n)	đấu trường, nhà thi đấu	13	**accommodation** (n)	chỗ ở, nơi lưu trú
7	**historic site** (phr)	di tích lịch sử	14	**travel itinerary** (phr)	lịch trình du lịch

II. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét QR code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/RwNaDCHHcZDwENpR7W

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**feature in** (phr)	xuất hiện, đóng vai trò	9	**bear in mind** (phr)	ghi nhớ, lưu ý
2	**consider** (v)	xem xét, cân nhắc	10	**a range of** (phr)	một loạt
3	**promote** (v)	thúc đẩy, quảng bá	11	**cost a fortune** (phr)	đắt đỏ, tốn nhiều tiền
4	**well-known** (adj)	nổi tiếng	12	**artificial** (adj)	nhân tạo, giả
5	**afford** (v)	có đủ khả năng	13	**sophisticated**	tinh vi, phức tạp

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần A. THEORY (trang 1,2) 1 dòng vào vở ghi.

II. Choose the best answer to complete each sentence.

1. Please turn off your mobile phone's ringtone in the library so that you don't _____ other people who are studying.

A. disturb B. consist of C. tend to D. associate with

2. My father usually prefers reading printed newspapers, but _____ he reads the news on his smartphone.

A. for instance B. on occasion C. sensible D. conscious of

3. Teenagers who spend too much time on social media _____ sleep less than those who limit their screen time.

A. disturb B. tend to C. consist of D. be conscious of

4. Many young people are not fully _____ the negative effects that late-night smartphone usage has on their brain function.

A. sensible to B. associated with C. conscious of D. consisted of

5. Heavy reliance on mobile phones is often _____ a decrease in face-to-face communication skills among teenagers..

A. conscious of B. tended to C. associated with D. sensible of

III. Complete the passage below using 5 words/phrases from the box. There are extra words that you do not need to use.

vulnerable	**interdependent**	**in captivity**	**pesticide**
poacher	**herbivore**	**pollinator**	**objective**

Nature operates as a complex ecosystem where every living species is **(1)** _____ on others for survival. For instance, many plant species rely heavily on a natural **(2)** _____, such as bees or butterflies, to reproduce and spread across different regions. However, modern human activities have created major challenges for wildlife. The overuse of chemical **(3)** _____ in agriculture pollutes natural habitats and harms beneficial insects. At the same time, illegal hunting poses a constant threat; a single **(4)** _____ can endanger entire populations of rare animals for commercial profit. Consequently, many species have become extremely **(5)** _____ to extinction and now require urgent international protection.

LIVEWORKSHEETS

IV. Rewrite the following sentences in the Present Perfect Passive voice.

1. They have built a famous theme park near the coast.

→ _____

2. Many foreign tourists have chosen this historic site as their main destination.

→ _____

3. The agency has taken hundreds of travelers on a sightseeing tour this week.

→ _____

4. They have sold out all the accommodation near that famous tourist attraction.

→ _____

5. The local government has kept these precious objects to protect the cultural heritage.

→ _____

LISTENING PRACTICE (10 questions)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con cần tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con truy cập link hoặc quét QR code để nghe nhé:
https://on.soundcloud.com/f8lER0rS3qcIJbEvZL

You will hear a girl called Anna giving a presentation about the fashion blog that she's created. For questions 1-10, complete the sentences with ONE WORD ONLY.

Anna - fashion blogger

After Anna was featured in a **(1)** _____ she had more people visiting her blog.

Anna now has a **(2)** _____ to help her develop the blog.

When choosing clothes for her blog, the **(3)** _____ of Anna's readers is the most important point she considers.

Anna thinks teenagers are likely to spend more on **(4)** _____ than on other items of clothing.

Anna prefers buying her own clothes from second-hand **(5)** _____ rather than other places.

The historical period that's given Anna the greatest inspiration for her blog is the **(6)** _____.

Clothes with **(7)** _____ on them recently attracted attention to Anna's blog.

Anna mainly promotes clothes made of materials such as cotton and **(8)** _____ on her blog.

Among the things Anna has made herself, people have showed most interest in her bags and **(9)** _____.

Anna was pleased that visitors to the blog have described it as being **(10)** _____.

LIVEWORKSHEETS